

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

Kinh Tệ Túc

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[15/02/2022 - 10:24 - buithibuukim]

KINH TRƯỜNG BỘ - BÀI 23 KINH TỆ TỨC

Hôm nay chúng ta học bài Kinh Trường Bộ số 23, Kinh Tệ Túc.

Kinh này được thuyết giảng bởi ngài Đồng Tử Ca Diếp lúc đó Đức Thế Tôn đã Niết bàn.

Có một số chuyện chúng ta cần biết thêm về nhân danh và địa danh trong đây.

Thời Đức Phật có 5 vị Ca Diếp: Uruvelakassapa – Gayakassapa – Sisakassapa – Mahakassapa – Kumarakassapa.

Ba vị đầu tiên là ba anh em xuất gia theo đạo thờ lửa. Lúc Đức Phật mới vừa thành Đạo xong thì ba anh em đã theo Ngài xuất gia, họ có trong tay 1.000 đê từ. Cho nên kỳ đại hội Thánh tăng đầu tiên trong rằm tháng giêng đầu tiên tại ngôi chùa Phật giáo đầu tiên (chùa Trúc Lâm ở Vương Xá do vua Tần Bà Sa La cúng dường), lần đó ta thấy có 1.250 vị tỷ kheo đều đắc lục thông hết, túc số lớn như vậy là nhờ do nhóm này của ba anh em Uruvelakassapa, Gayakassapa và Sisakassapa.

Còn ngài Mahakassapa là đệ nhất đầu đà. Ngài xuất thân gia thế, ngài đẹp như tượng vàng. Bởi ngài từ Phạm thiên sanh xuống nên ngài không thích đàn bà. Không thích đàn bà đây do ngài ly dục chớ không phải là gay như người thời nay. Gia đình ép ngài lấy vợ nên ngài cho làm một tượng vàng, nói nếu có người nào đẹp như vậy thì ngài lấy. Mà không ngờ là gia đình ngài tìm được một người giống như vậy nên ngài phải lấy. Cưới nhau được mấy bữa cả hai chán đời rủ nhau đi tu. Rồi sau đó (chuyện dài lắm) cả hai đều đắc A la hán hết.

Vị cuối cùng là ngài Kumara Kassapa. Vị này có duyên đặc biệt là, cuối thời giáo pháp của Đức Phật Ca Diếp (Phật trước Phật mình) có 5 vị tỷ kheo thấy Pháp Phật suy đồi, pháp học pháp hành không còn ai tha thiết nên 5 vị dắt nhau lên một mỏm núi rất cheo leo. Muốn lên đây phải bắc cái thang rất nguy hiểm. Lên xong xô bỏ thang là coi như không còn đường trở vào. Lên xong 5 vị đập bỏ thang, nguyện với nhau sống chết gì cũng ở tu không trở lại. Ở đó được mấy ngày thì đến ngày thứ ba có một vị đắc A la hán, có thần thông vị này bay đi khát thực, đem đồ ăn về cho anh em. Mấy vị kia nói nếu đã có lòng quyết tu đi tìm cái chết rồi thì không thể ăn được nên họ từ chối không ăn. Vị này từ già bay về trú xứ của mình. Đến ngày thứ tư thêm một vị nữa đắc A na hàm, cũng có thần thông và bay đi bát đem về, nhưng 3 người còn lại không ăn. Do vậy vị đắc A na hàm này cũng từ già về trú xứ của mình. Ba người còn lại vừa nóng, đói, khát và chết, tất cả đều sanh thiên. Trong ba người đó, đến đời Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời thì một vị là vua Pukkusa, là người bỏ ngôi vua mà đi tìm Phật. Trên đường thì tự đáp y, rồi tình cờ gặp Phật trong nhà kho chứa cỏ khô. Ông gặp mà không biết đó là Phật, chỉ biết Ngài đẹp vậy thôi. Ông ngủ chung trong nhà kho đó suốt đêm tới gần sáng thì Ngài thuyết Pháp ông nghe, ông đắc Tư đà hàm. Sau đó ông đi ra ngoài bị con Dạ Xoa giết chết (nói gọn vậy đi, chuyện dài lắm).

Như vậy trong 5 vị quyết tử tu hành ngày xưa thì có hai vị đặc, một là A la hán, một A na hàm. Bây giờ còn lại 3, thì một vị là vua Pukkusa, một vị nữa là ngài Bahiya.

Bahiya là người lái buôn bị chìm tàu, tấp vô hoang đảo, không còn áo quần mới lấy vỏ cây làm áo mặc nên người ta kêu là ‘Người mặc áo vỏ cây’. Người ta đôn nhau ông này chắc là thánh nhân, thấy ăn mặc lạ quá. Hồi đầu ông không nghĩ vậy nhưng thấy người ta bái lạy quỳ quỳ cung kính, nuôi dưỡng thức ăn tận miệng riết ông cũng sanh tâm bậy, tự tưởng ông là thánh thiệt. Có một vị trời là bạn cũ biết chuyện, thương ông sợ ông bị sa đọa nên nhắc ông nói ông không phải thánh đâu. Muốn thấy thánh thứ thiệt thì ông nên đi gặp Đức Phật. Ông nghe nên đi tìm Phật. Lúc ông gặp được Phật thì lúc đó Phật đang đi bát. Ông xin nghe Pháp thì Đức Phật từ chối. Ngài từ chối vì muốn đợi cho cái tâm ông chín muồi. Rồi Ngài nói: “Trong thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe...”. Các vị còn nhớ vụ đó không? Khi Ngài nói vậy thì ông vô gốc cây ngồi ông đặc A la hán, rồi cũng bị Dạ Xoa giết.

Tại sao có vụ Dạ Xoa? – Bởi vì ngày xưa có nhóm 5 công tử nhân ngày lễ hội rủ nhau mượn một cô ca kỹ giúp vui. Họ đến một khu vườn đẹp vắng, cô này mang rất nhiều nữ trang vòng vàng trên người. Mấy công tử này con nhà giàu, nhưng nhìn thấy cô này động lòng tham hè nhau giết cô này cướp của. Trước khi chết cô này hận quá có lời nguyện: ‘Nếu quả thật có kiếp sau thì cái đám quỷ này đi đâu ta đuổi theo tận nơi giết tiệt trả mối thù hôm nay’. Chính lời nguyện đó cộng với nghiệp giết người nên 5 công tử này sanh ra đời nếu không bị cô kia báo oán thì cũng bị người khác giết. Suốt nhiều kiếp như vậy, thì đến kiếp cuối gặp Phật Thích Ca Mâu Ni thì mấy cậu công tử ‘trời ơi’ hồi xưa đó giờ một người sanh lại làm Bahiya – Là ông gặp Phật dọc đường rồi Ngài dạy cho câu kệ, ông đặc A la hán xong ra đường bị con bò húc chết. Con bò đó là do Dạ Xoa nó khiến. Còn người thứ hai là Pukkusa – người gặp Phật trong nhà cỏ, cũng đặc A na hàm xong bị con bò húc. Một con bò khác nhưng cũng chính con Dạ Xoa nó khiến.

Như vậy nhóm bạn tu ngày xưa là 5 người. Bà con nhớ kỹ coi chừng lộn. 5 công tử con nhà giàu là khác. 5 vị tỳ kheo lên mỏm đá tu là câu chuyện khác. Tuy là 2 câu chuyện khác nhưng trong đó có những nhân vật trùng lặp. Như 2 nhân vật Bahiya và Pukkusa là có mặt trong đám công tử ‘trời ơi’ ngày xưa nhưng lại có mặt trong nhóm 5 vị tỳ kheo khả kính lên tu ở mỏm đá cheo leo. Còn mấy người kia không có mặt.

Như vậy 3 người còn lại trong nhóm 5 vị tu quyết tử là: một là ngài Pukkusa, hai là ngài Bahiya. Người thứ ba là Kumara – chính là nhân vật mình đang học trong bài Kinh này.

Vị này sau khi tu quyết tử chết sanh về trời, luân hồi nhiều kiếp. Đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có một người con gái đi lấy chồng một ngày kia đi nghe Pháp rồi phát tín tâm đi xuất gia, không muốn ở ngoài đời nữa. Có một điều nàng không ngờ là trong những ngày cuối trước khi đi tu, nàng gần gũi chồng thì có mang mà nàng không biết. Nên nàng đi xuất gia mấy tháng thì cái bụng nàng lớn từ từ, cuối cùng nàng sinh con. Các vị tưởng tượng một tỳ kheo ni chỉ cần sờ, chạm một người đàn ông là đã bị lột y rồi. Bên tăng thì nhẹ hơn chút. Một vị tăng mà xúc chạm da thịt với phụ nữ thì chỉ bị phạt nặng thôi. Phải nhờ 21 vị tỳ kheo khác phục hồi giới phẩm cho mình, nhưng có nghĩa cũng còn cứu được. Nhưng bên ni thì khác, một tỳ khuru ni chỉ cần chạm vào da thịt người đàn ông khác mà bằng sự thích thú là bị lột y liền, vĩnh viễn suốt đời không được làm ni nữa. Cho nên bà tỳ kheo ni này tu mấy tháng mà có mang rồi sinh con thì quý vị tưởng tượng phản ứng của hội chúng khủng khiếp cỡ nào. Nhưng xui cho bà là lúc đó tuy Đức Phật còn tại thế mà tỳ kheo ni tự động phân thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất đi theo Đức Phật, nhóm thứ hai đi theo Đề Bà Đạt Đa là do Đề Bà Đạt Đa chiêu dụ họ. Bà này nằm trong nhóm theo Đề Bà Đạt Đa nên khi cổ có mang ông bị 6 mặt. Ông quyết định trực xuất, lột y không cho nàng ở trong ni chúng nữa. Nàng biết mình không phạm giới nên khi nghe mấy người bạn tu khác khuyên nên đến gặp thế Tôn, nàng đến gặp Ngài. Ngài giao cho ngài U Pa Li là đệ nhất luật sư giải quyết vụ này. Ngài Upali mời những nữ cư sĩ có tiếng giải quyết. Họ hỏi bà cặn kẽ xong lên trình với ngài Upali và Đức Phật. Đức Phật nói nếu như vậy thì tỳ kheo ni này không phạm tội, do bà có mang trước khi đáp y. Nhà vua nghe chuyện nói nếu tỳ kheo ni này tiếp tục muốn tu nữa thì đưa bé đó vua sẽ đem về nuôi. Rồi vua đem về nuôi và đặt tên đứa bé là Kassapa (là một trong những cái tên phổ biến thời đó).

Có nhiều truyền thuyết cho rằng chữ ‘Kassapa’ này có cùng nguồn gốc với chữ ‘kacchapa’ (nghĩa là con rùa). Người Ấn Độ nguyên thủy xưa có những bộ tộc thờ rùa. Có bộ tộc thờ lửa, thờ rắn v.v... Người ta lấy đặc điểm sinh hoạt đó của bộ tộc để đặt tên cho dòng dõi. Nên tên Kassapa xuất phát từ tên một bộ tộc thờ rùa, hoặc sống gần một chỗ nhiều rùa.

Đứa bé được vua nuôi một thời gian thì lớn lên vua hỏi nó muốn đi tu không, nó nói muốn. Vậy là vua giao nó trong chùa cho đi tu (lúc đó Kumara mới 7 tuổi). Đức Phật nhìn thấy Kumara Ngài biết đây là bậc đại nhân, đã tu hành 100.000 đại kiếp. Thời gian tu ba la mật của ngài tương đương với ngài A Nan, tương đương với ngài Maha Ca Diếp, ngài Upali, ngài Câu Hy La. Kumara là con mồ côi nên thỉnh thoảng Đức Phật được cúng dường cái gì Ngài nói với các tỳ kheo là đem cho Kassapa đi. Chư tăng mới hỏi: “Bạch Thế Tôn, Kassapa nào?” bởi vì nhiều Kassapa quá, thì Đức Phật ngài nói Kumarakassapa. Chữ ‘kumara’ đây là ‘child, kid = trẻ con. Từ câu gọi của Đức Phật, từ đó ngài có ngoại hiệu là Kumarakassapa. Về sau khi 20 tuổi thành thanh niên, thọ đại giới tỳ kheo rồi đắc A La Hán đi nữa thì cũng vẫn được gọi là Kumarakassapa.

Vào một đêm khuya, lúc đó ngài đã thọ đại giới rồi và ở trong khu rừng Andhavana (Rừng người mù). Tôi nhớ đã giải thích chuyện này rồi, quý vị còn nhớ không ta. Gọi là rừng Người mù là do thời Phật Ca Diếp có ông cư sĩ ông đắc A na hàm đi quyên góp để về xây Bảo tháp xá lợi. Ông quyên được nhiều vàng khi đi qua khu rừng này gặp đám cướp 500 đứa giết ông và cướp số vàng đó. Chúng không hề biết là vừa tạo một trọng nghiệp: cướp vàng (làm tháp xá lợi) là một tội nặng, kể nữa là chúng giết một vị thánh A na hàm. Hai tội cộng lại trong vòng nháy mắt chúng vừa ra tay giết vị A na hàm này thì tích tắc cả đám 500 mạng đều bị mù lòa tại chỗ và sau khi chết bị sanh về địa ngục. Trong thời gian chưa chết thì 500 người mù này cứ rờ rờ mà sống trong rừng. Từ đó người ta gọi là khu rừng người mù. Cái tên đó kéo dài đến đời Đức Phật mình (chuyện đó cũng lạ).

Thì ngài Kumarakassapa vào khu rừng này tu thiền. Ngài gặp lại một người bạn xưa giờ là một vị Phạm thiên. Vị trời này nhớ bạn xưa mới tìm hiểu, biết bạn mình đang ở đây nên xuống giúp bằng cách đặt một số câu hỏi lạ lùng mà Kumara không hiểu. Rồi nói nếu không hiểu thì nên đến hỏi ý nghĩa ở Đức Phật. Ngài Kumara đem bài kệ đó đến hỏi Đức Phật và Đức Phật giải thích cho ngài từng điều từng điều. Sau khi nghe xong, trở về tu thì ngài đắc A La hán. Nhưng điều quan trọng ở chuyện này là vì ngài đã bắt đầu tu hành đắc chứng bằng một bài kệ mà toàn là hình ảnh ví dụ. Nên khi đắc A La Hán rồi ngài trở thành một người mà Đức Phật khen là Đệ nhất Citrakathi : ‘người nói chuyện bằng những ví dụ minh họa’.

(Citra: hình ảnh

Cathi: nói chuyện → Citracathi: người nói chuyện bằng ví dụ minh họa).

Ngài là đệ nhất, vô địch trong chư tăng về khả năng này. Những vị khác mà giải thích về Thiên quán, về thiên chỉ, về duyên sinh, Bốn Đế, Thất Giác Chi cứ lo giải thích số 5 số 7 số 3 số 8, riêng ngài thấy mình chậm hiểu là ngài cho một núi ví dụ, nói chừng nào mình hiểu thì thôi. Bậc thầy thiên hạ về cái tài này.

Các vị tưởng tượng chuyện đó xảy ra trong khoảng 10 năm đầu tiên sau khi Phật thành Đạo. Ngài thành Đạo năm 35 tuổi, chuyện ngài Kumara xảy ra lúc Thế Tôn 45 tuổi trở lại. Như vậy vị này ít nhất là nhỏ hơn Thế Tôn 45 tuổi. Cho nên khi Thế Tôn tịch rồi thì vị này sống rất lâu. Giống như bà Visakha đắc quả lúc 7 tuổi, mà Kinh nói bà sống tới 120 tuổi. Giống mấy đại đệ tử cao đồ của Đức Phật tuổi thọ rất dài. Như ngài Pakula sống tới 160. Ngài Anurudha đệ nhất thiên nhân sống 150. Ngài A Nan, ngài Ca Diếp, bà di mẫu Gotami, bà Visakha đều 120. Riêng ngài Cấp Cô Độc thì yếu đi sớm. Mà yếu nhất trong đó là ngài Rahula, có bốn mấy năm chực là ngài tịch rồi.

Chúng tôi dạo một vòng để các vị biết ngài Kumara là ai. Bây giờ chúng ta trở lại nội dung bài Kinh.

Lúc bấy giờ có ông vua Tệ Túc, ông không tin chuyện kiếp trước kiếp sau. Ông chỉ tin cái gì ông thấy được, sờ chạm, ngửi được chứng minh được. Còn cái gì quá tầm nhận thức suy diễn của ông thì ông bèn cho đó là không có! Nhưng dù sao ông cũng có chút lòng kính mộ, thương quý ngài nên ông tới hỏi đạo. Ông nói thiệt với ngài là không tin trời đất gì hết, không tin kiếp trước kiếp sau, không tin cái gì không thấy sờ chạm được, cái gì không chứng minh được là cái đó không có thiệt. Cho nên ngài Kumara dùng nhiều ví dụ để giải thích cho ông nghe.

Coi trong Chánh Kinh các vị thấy không? “Lúc bấy giờ vua Payasi khởi lên tà kiến như sau: là không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác, không có quả báo”.

Ông nghĩ vậy, mà đây cũng là cách nghĩ của rất nhiều người bây giờ kể cả người VN mình. Họ cho chết rồi là hết, còn mấy cái loại khuất mày khuất mặt là do người ta bịa ra thôi. Rồi còn thiện ác là do mình nghĩ thôi chớ làm gì có chuyện báo ứng? Cũng như chuyện phủ nhận các loài hóa sanh là theo tôi thấy nhiều lắm. Nhiều người tìm đủ cách để phủ nhận. Họ nói đâu có bằng chứng nào chứng minh ma quỷ, chư thiên có thật. Trong room này tôi không biết ai đang nghe. Tôi chỉ xin gửi chung cho những ai nghi ngờ hoặc không tin một câu nói thôi:

Nếu quý vị muốn tin cái gì thì quý vị nên dựa vào những bằng chứng, chớ đừng cuồng tín. Nhưng nếu quý vị muốn bác bỏ cái gì đó thì quý vị cũng làm ơn dựa vào những bằng chứng. Nhe!

Chớ theo tôi biết những người tuổi trẻ hôm nay đụng đầu bác đó để chứng tỏ mình là người có đầu óc khoa học, là trí thức thời đại, thời thượng, chỉ tin cái gì có chứng minh, có lý do hợp lý...Mình quên một chuyện là tin cái gì phải có bằng chứng, mà muốn bác cái gì cũng phải có bằng chứng. Mình không thấy con vi trùng không có nghĩa là con vi trùng đó không có. Mình không nghe được những tần số âm thanh nhỏ (hạ âm), đề xi ben nó quá thấp chỉ có con chó con cá heo nó nghe được, thì không lẽ những cái đó không có? Có chứ! Con chó phân biệt được mấy trăm mùi, mình thì không vậy. Cái vali có một tép heroin trong đó là con chó nó ngửi biết chớ còn mình đâu có ngửi được gì đâu. Những lần có động đất sóng thần mấy con thú nhón nháo, xông xáo là nó di tản hết. Còn con người mình tới phút cuối mình mới hay đã động đất, đang động đất. Còn mấy con kia biết trước hết rồi. Có nghĩa khả năng cảm nhận sự việc của mỗi loài mỗi khác. Chư thiên và những người khuất mày khuất mặt có khả năng khác. Chúng ta là loài người, thân thể nặng nề, có máu có thịt có xương có da còn rất nhiều rào cản sinh học. Nó không cho phép mình sự bén nhạy của một số loài chúng sinh. Chính vì vậy mình cứ tưởng cái gì mình không biết là cái đó không có, thì suy nghĩ đó hơi khờ!

Ông vua này theo kiểu đó, nói cái gì ta không thấy không biết là nó không có. Ông nghe đồn ngài Kumarakassapa biết nhiều, có thể giải tỏa những hoang mang nghi hoặc về kiến giải của thiên hạ, nên ông tìm tới thăm. (Chuyện dài lắm bà con tự coi thêm. Tôi chỉ giảng cái gì trong đây không có). Nghe ông nói vậy thì ngài Kumara nói là không được, không nên như vậy. Cái gì có mình phải thấy là có. Cái gì không mình phải thấy là không. Đại vương phải biết mình chết rồi đâu phải là hết, còn có đời sau kiếp khác. Những loài khuất mày khuất mặt cũng là những chúng sanh nhưng trong hình dạng khác, trong hình thức tồn tại đặc biệt khác nhân loại, nhưng điều đó không có nghĩa là không có. Ông vua nghe ông không tin, ngài mới lần lượt cho các ví dụ.

Ví dụ đầu tiên là phải tin là có đời sau, tin các loài khuất mày khuất mặt là có thật. Các hành vi thiện ác cũng có quả báo chứ không phải không có.

Ông vua kể là ông biết có những người chuyên môn sống trời oi đất hơi, chần ăn trần quần, hung dữ, bất thiện, tội lỗi. Ông dặn họ là họ chết mà có sa đọa thì về báo cho ông biết. Ông cũng dặn những người sống hiền lành nhân đức là có đi về trời thì cũng về báo ông biết. Tuy dặn vậy nhưng khi họ chết ông không thấy họ về báo hay nhắn cho biết giờ họ đang ở đâu. Chính vì vậy trầm thấy thiên đường địa ngục, kiếp sau là không có thật. Trầm cho rằng chết rồi là hết.

Ngài nói cho ông nghe những ví dụ. Nếu người ta về trời thì cơ hội người ta quay lại báo tin cho mình không có vì nhiều lý do: Thứ nhất, tuổi thọ người trên cõi trời như cõi Tứ thiên vương một ngày đêm trên đó bằng 500 năm nhân loại. Cõi Đao Lợi một ngày đêm bằng 1.000 năm nhân loại. Với họ thời gian họ ở cõi trời rồi nhớ lại để về gặp lại thân nhân là rất khó, vì chỉ trong tích tắc mà thôi. Như nước ta có địa danh ngọn núi ở Bắc Ninh tên là Lạn Kha quý vị biết không, bên Tàu có chuyện giấc mộng Nam Kha. Nghĩa là chư thiên khi sanh về trời mà trở lại thăm người thân rất hiếm, vì tuổi thọ họ dài, rất lâu. Họ có nghĩ về mình như nghĩ mấy con muỗi vậy vì con muỗi sống không lâu. Khi họ nhớ về mình thì mình đã chết mất rồi.

Thứ hai là khi chúng ta mang hình hài khác thì cái tâm tư tình cảm chúng ta cũng khác. Đây là sự thật phũ phàng mà bà con phải nhớ. Các vị rời người các vị đi, đây là xương đây là thịt, đây là tay là bàn chân mình. Khi mình sống là mình bị nhốt trong hình hài này thì mình có những suy tư, tâm tư, tình cảm nó hợp với hình hài đó. Thử mai này mình mang cái hình hài mà không tự sờ bóp được.

Nó như khói, mình có thể đi mây về gió, có thể nhìn thấu mọi việc, đi đứng không trở ngại, cơ thể hoàn toàn nhẹ nhõm, nhẹ tênh không bệnh hoạn, không có cảm giác tê buốt, nhức mỏi khó chịu. Không cảm giác buồn ngủ, đói khát như nhân loại, thì trong hình hài như vậy, cái tâm tư tình cảm mình chắc chắn cũng khác đi.

Cho nên nếu họ sanh về trời, chuyện mà họ nhớ lại mình có nhiều rào cản lắm. Còn nếu họ bị đọa về địa ngục là khỏi nói rồi. Các vị tướng tượng lửa 300 độ nó kinh khủng thế nào. Mà nếu nó 30.000 độ thì tướng tượng nó còn gì nữa. Trong Kinh ví dụ một chút xíu lửa bằng hạt cải dưới địa ngục nếu đem lên mặt đất mình thì nó có thể làm khô hạn cằn cỗi cả một vùng đất trong suốt nhiều năm. Các vị tin hay không thì tùy nhưng tôi thấy chuyện đó nếu có cũng không gì lạ. Ác một chỗ do nghiệp khiến nên mình bị đốt trong lửa đó mà không chết được. Nóng thế lắm vậy mà dứt khoát không chết. Khi nào hết nghiệp trở lên mình mới biết nóng thiệt. Nó đốt làm mình bị khờ đi.

Nên trong Kinh nói những chúng sanh ở dưới cõi khổ lên tánh linh họ rất thấp, tại vì mang thân người nhưng vì bị khổ lâu ngày, quá nhiều năm nên bị khờ. Nhiều người khả năng nhận thức, hiểu biết của họ hạn chế đến mức nhìn họ mình ngại luôn. Có nghĩa khả năng suy diễn, tướng tượng, hình dung, nhận thức của họ nó nghèo đến mức khó tin. Hoặc là họ sống ù lì, sống chỉ gói gọn trong một không gian sinh hoạt nhỏ hẹp của tình cảm, của vật chất. Dù họ có ở trong điều kiện gì thì không gian tâm lý không gian sinh hoạt của họ rất là hạn chế. Cho nên có đi về trời hay bị đọa thì cơ hội quay lại nhân tin cho mình rất là ít.

Ngài nói thêm, chư thiên ngoài chuyện họ nhớ mình thì mình đã chết rồi còn có chuyện là họ góm mình dữ lắm. Họ coi mình còn tệ hơn đồng rác nữa. Như chư thiên Đạo Lợi họ góm mình đến 100 do tuần họ còn nghe mùi mình.

Cứ như vậy các vị coi các ví dụ sau, nếu ngày mai siêng thì tôi giải thích. Nhưng hoàn toàn bài Kinh này giải thích thì có nhiều cái thú vị, còn không thì bà con coi tự hiểu lấy. Đây cũng lần đầu tiên bà con thấy tôi có cách dễ giảng vậy vì bài Kinh này bà con tự coi được.

Nghĩa là ngài kể nhiều câu chuyện để giải thích cho ông nghe rằng chuyện tái sanh là có thật. Chuyện đời sau kiếp khác là có thật. Chuyện hành vi thiện ác cho quả báo là có thật. Chỉ vì để soi sáng tâm hồn của ông mà ngài đã kể liên tục rất nhiều hình ảnh ví dụ. Sau khi ngài kể xong thì ông phát tín tâm, phát nguyện trở thành người Phật tử. Tuy nhiên cuối bài Kinh lại có một vấn đề rất lớn. Đó là tin thì tin, nhưng tin rất yếu, tin cho có vậy thôi. Nghĩa là ông nghe nói làm phước thì được phước, làm tội thì bị tội nên thôi giờ xuất kho, ông là vua mà, xuất kho cho người ta thay mặt ông làm phước, nhưng ông tiếp tục ăn chơi rượu thịt chè chén, mỹ nữ bình thường, chỉ khác là bây giờ ông có tin ít nhiều. Mỗi ngày ông cho người xuất kho ra, thay mặt ông làm phước bố thí cho mấy người tu hành, mấy người già cả, cô nhi, cơ nhỡ, đói khổ... Người đại diện ông làm việc đó tuy là làm dùm ông nhưng lại làm với tất cả tâm hồn, tất cả tín tâm, tất cả niềm tin, và lòng từ bi thương người. Cho nên người làm dùm ông chết rồi được sanh về cõi Đạo Lợi. Còn riêng ông Payasi này ông tuy có tin tưởng, có gián tiếp làm phước nhưng chính vì ông quá hồ hững, quá sơ sài trong chuyện làm thiện (tâm không gắn bó, không khăng khít) cho nên khi chết rồi ông sanh vào một tòa lâu đài bỏ không.

Lâu đài bỏ không là khi quý vị làm phước đủ phước về trời thì trên đó xuất hiện một tòa lâu đài sẵn bằng vàng, ngọc để mai này các vị về ở. Tức lâu đài xuất hiện trước rồi các vị xuất hiện sau. Đó là trường hợp của Nandiya. Tức là ông làm phước nhiều đến mức trên đó xuất hiện một lâu đài trước chư thiên biết là sẽ dành cho ai. Trường hợp thứ hai là khi nào mình lên trên đó nó mới có. Trường hợp thứ ba là có khi mình là một vị trời trên đó mình vừa chết thì lâu đài cũng biến mất theo mình, vì mình là khói nó cũng là khói. Nó được gọi là vàng vì khi mình còn sống nó chói rục như vàng. Nhưng phù du ở chỗ nó có do phước, phước của chư thiên, cho nên vị chủ nhân mất rồi nó biến mất. Cũng có trường hợp thứ tư, là vị đó do cách làm phước của họ, nếu vị trời đó có cơ hội trở lại thì khi mệnh chung nó vẫn còn đó để vị này tái sử dụng. Trong room có hiểu không ta? – Chính cái phước báo của mình nó xếp như vậy chứ chính mình không biết.

Thời Đức Phật có một vị tỳ kheo tên là Gavampati. Các vị còn nhớ Đức Phật lúc mới thành Đạo có một thanh niên tên là Yasa đã tìm đến với ngài? – Vị này cũng đi xuất gia trong một đêm tối. Vị này cũng có 3 tòa lâu đài như Tất Đạt, đi xuất gia rồi cả nhà cũng đều đắc quả hết. Trong nhóm bạn thân

54 người của vị này có một người tên là Gavampati (gavam: con bò ; pati: chủ) = Govinda (bữa hôm mình học bài Kinh Đại Điền Tôn). Govinda là ‘con bò chúa’ hoặc ‘chủ trại bò’. Ở đây Gavampati cũng có nghĩa là chủ trại bò. Và vị này nằm trong nhóm bạn của tỳ kheo Yasa. Nghĩa là vị này tuổi đời cũng lớn lắm, tầm tầm đức Phật. Vị này xuất gia và đắc A La hán. Trước khi làm người có tên Gavampati thì vị này là một vị tiên ở cõi Tứ thiên vương. Trước khi chết sanh về cõi người và xuất gia đắc A La Hán thì lâu đài trên cõi tiên của vị đó không mất, vì chính nghiệp báo của vị này khiến cho như vậy, vị này còn có cơ hội trở lại. Lúc đắc A La Hán, buổi trưa mà muốn nghỉ trưa thì ngài bay về trên đó để nghỉ. Chuyện lạ như vậy!

Các vị đọc thấy Kinh Trường Bộ nói: “Cung điện trống không của Serisaka”. Đây là một hiểu lầm rất lớn. Không phải cung điện trống không của Serisaka mà chính xác là ‘cung điện mang tên Serisaka’, vì phía trước lâu đài này có hai cội cây sirisa rất lớn, nên chư thiên gọi là lâu đài Serisaka. Lâu đài này chính là của ngài Gavampati, rồi ông vua Payasi này khi chết về Tứ Thiên vương không có chỗ ở (do cái phước của ông). Ông thấy lâu đài còn trống nên vào đó ở. Ngài Gavampati buổi trưa lên trên đó, lúc này tuổi ngài già lắm. Ngài thấy ông đó nên hỏi: “Ở đâu mà tới đây?”. Ông nói con xuất thân là vua Payasi ở cõi người có tà kiến, nhưng nhờ ngài Kumarakassapa ngài thuyết Pháp nên con bỏ được tà kiến đó. Nhưng do con làm phước xiu xiu ền ền nên phước con giờ chỉ đủ về Tứ thiên vương thôi, không đủ phước để có lâu đài riêng. Con thấy chỗ này trống thì con ở.

Chú giải nói, với thiên nhãn ngài Gavampati nhìn thấy lâu đài ngoài sa mạc trên mặt đất mình, và nói rằng ở đó có lâu đài bằng vàng không ai ở mà rất vừa với công đức của ông. Ông hãy về đó ông ở thay vì ở đây ông chỉ là người ở tạm. Nay mai tôi Niết bàn thì nó sẽ biến mất. Nếu ông về đó thì ông ở luôn.

Ngài dặn dò như vậy xong thời gian sau ngài Niết bàn, và lâu đài biến mất. Riêng về Payasi này đi về một lâu đài bỏ hoang ở sa mạc (cõi người). Các vị nhớ chư thiên mang tiếng là cõi Tứ thiên vương nằm trên cõi người nhưng thực tế trên mặt đất của cõi nhân loại mình trên hành tinh này vốn có rất nhiều vị trời thuộc hội chúng Tứ thiên vương. Có nghĩa quốc tịch họ là Tứ thiên vương nhưng họ định cư lâu ngày dài hạn ở trên cõi nhân loại này.

Đây là bài Kinh rất độc đáo ở chỗ là chúng tôi không giải thích hết vì nó dài thăm thẳm và nội dung bà con đọc rất dễ hiểu. Chẳng hạn trong đây có một ví dụ rất đẹp. Đó là ông hỏi ngài vậy chớ mình làm phước muốn mau hưởng phước mình có thể tự sát để cho cái phước đó trở quả liền hay không.

Ngài nói với ông chuyện đó giống như chuyện một cô vợ bé đọc di chúc của chồng là gia tài này sẽ thuộc về cô nếu cô sanh con trai. Bà vì nôn nóng muốn dành tài sản với bà vợ cả nên cái bụng bà mới mấy tháng mà bà tự rạch bụng coi trong đó là trai hay gái để cãi lộn với bà vợ cả. Các vị tưởng tượng chuyện đó ngu và nguy hiểm thế nào, không thể nào có chuyện đó được! Chuyện làm phước ở đây nếu muốn đi sớm mà tự sát mong quả nó trở ngay thì không thể. Vì mỗi lần tạo nghiệp cái tâm lực mạnh yếu khác nhau. Có những cái nghiệp nó phải năm kiếp, 10 kiếp, 80 kiếp, 800 kiếp nữa mới trở quả. Có những nghiệp mình làm buổi sáng mà buổi chiều nó có quả, chẳng hạn những hành động phước đức hoặc những hành động tội lỗi đặc biệt thì phải trở quả trong vòng một ngày. Có khi làm hồi tuổi trẻ, đến trung niên mới gặt quả. Có trường hợp làm tuổi trẻ tuổi già mới gặt quả. Có trường hợp làm trung niên mà tuổi già mới hái quả. Cho nên những chuyện đó mình không có biết! Và những cái đó không có gì ngoài khả năng hiểu của bà con hết trơn. Phải động não nghe, tôi không giải thích nữa.

Rồi xin hẹn lại bà con ngày mai. Chúc các vị một ngày vui. Nhớ đọc kỹ bài Kinh đó một chút nhé!/.

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

---

*[www.toaikhanh.com](http://www.toaikhanh.com)*

TOAIKHANH.COM